

**UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ
TRONG DẠY VÀ HỌC SỬ DỤNG DẤU HAI CHẤM
CHO HỌC SINH LỚP 4
MÔN : TIẾNG VIỆT**

Năm học 2015 – 2016

THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến:

Biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy và học sử dụng dấu hai chấm cho HS lớp 4

2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến : Môn Tiếng Việt lớp 4

3. Tác giả:

3.1. Họ và tên: **Bùi Thị Thanh Bình** Nam (nữ) : Nữ

3.2. Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 12 năm 1978.

3.3. Trình độ chuyên môn : ĐHSP Tiểu học

3.4. Chức vụ, đơn vị công tác :

Giáo viên – Trường Tiểu học An Sơn. Điện thoại : 01665211478

4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:

Trường Tiểu học An Sơn – Nam Sách – Hải Dương.

Điện thoại : 03203754959.

5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có) :

Trường Tiểu học An Sơn – Nam Sách – Hải Dương.

Điện thoại : 03203754959.

6. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu: Năm học 2014-2015

HỌ TÊN TÁC GIẢ

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐƠN
VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN**

Bùi Thị Thanh Bình

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

1. Hoàn cảnh nảy sinh

Trong quá trình giảng dạy và tìm hiểu tình hình thực tế ở trường Tiểu học, tôi không khỏi băn khoăn và lo lắng trước thực trạng học sinh ngày càng yếu môn văn nhất là phân môn Luyện từ và câu.

Bản thân tôi hằng ngày được tiếp xúc trong môi trường giáo dục, trực tiếp giảng dạy các em do vậy hơn ai hết tôi là người nắm bắt, nhìn thấy thực trạng học tập của học sinh. Qua việc khảo sát, đánh giá bài học sinh tôi nhận thấy học sinh làm bài còn quá yếu, ngôn từ nghèo nàn, câu văn viết khô khan chưa giàu hình ảnh, ý thức học tập cũng như chất lượng của bài làm là chưa cao. Các em vẫn chưa nhận biết cách sử dụng dấu hai chấm như thế nào. Bên cạnh đó vốn sống, kinh nghiệm thực tế của các em còn quá ít ỏi. Nội dung chương trình, cấu tạo của sách giáo khoa thiếu tính khoa học, chưa phù hợp với những đối tượng học sinh, nhất là ở chương trình lớp 4 về cách dùng dấu hai chấm, đó chính là lý do tôi chọn đề tài **Biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy và học sử dụng dấu hai chấm cho HS lớp 4** để nghiên cứu.

2. Điều kiện và thời gian, đối tượng áp dụng :

- Học sinh khối 4, trường Tiểu học An Sơn.
- Áp dụng trong năm học : 2014 – 2015.

3. Nội dung sáng kiến :

Trong phần này, tôi tập trung nghiên cứu về các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng dấu hai chấm ; kết quả đạt được trong quá trình thực nghiệm.

Do đó trong khi làm bài tập để đạt được mục tiêu đề ra, tôi đã dạy và hướng dẫn học sinh học như sau :

- Phát huy tính tích cực hoá các hoạt động của học sinh :
- Hướng dẫn học sinh cách sử dụng dấu hai chấm.
- Cung cấp vốn sống, kinh nghiệm thực tế và những kiến thức về giao tiếp.

4. Khẳng định giá trị, kết quả của sáng kiến :

- Giờ học sôi nổi hơn, các em đã có kỹ năng nhận biết tốt hơn về cách sử dụng dấu hai chấm.
- Học sinh say mê môn học, tiếp thu bài một cách chủ động, sáng tạo và phát huy được tính tích cực của học sinh.
- Học sinh nắm chắc kiến thức và biết vận dụng vào thực hành, kỹ năng nhận biết tốt hơn về tác dụng của dấu hai chấm trong các ví dụ cụ thể.
- Chất lượng đại trà của lớp được nâng lên rõ rệt, chất lượng học sinh năng khiếu cao hơn so với các lớp cùng khối.

5. Kết luận và kiến nghị.

Phần này tôi đưa ra kết luận về tính khả thi của sáng kiến, những kiến nghị, đề xuất

MÔ TẢ SÁNG KIẾN

I. HOÀN CẢNH NẢY SINH :

Trong quá trình giảng dạy và tìm hiểu tình hình thực tế ở trường Tiểu học, tôi không khỏi băn khoăn và lo lắng trước thực trạng học sinh ngày càng yếu môn văn nhất là phân môn Luyện từ và câu.

Chính vì điều đó tôi đã suy nghĩ, tìm cách lý giải cũng như tìm hiểu qua thực tế học sinh, tập trung nghiên cứu sau đó đưa ra một số biện pháp, sáng kiến nhằm khắc phục những tình trạng nêu trên. Từ đó giúp các em có những cái nhìn mới về môn Tiếng Việt nói chung và phân môn Luyện từ và câu nói riêng.

Bản thân tôi hằng ngày được tiếp xúc trong môi trường giáo dục, trực tiếp giảng dạy các em do vậy hơn ai hết tôi là người nắm bắt, nhìn thấy thực trạng học tập của học sinh. Qua việc khảo sát, đánh giá bài học sinh tôi nhận thấy học sinh làm bài còn quá yếu, ngôn từ nghèo nàn, câu văn viết khô khan chưa giàu hình ảnh, ý thức học tập cũng như chất lượng của bài làm là chưa cao. Các em vẫn chưa nhận biết cách sử dụng dấu hai chấm như thế nào. Bên cạnh đó vốn sống, kinh nghiệm thực tế của các em còn quá ít ỏi. Nội dung chương trình, cấu tạo của sách giáo khoa thiếu tính khoa học, chưa phù hợp với những đối tượng học sinh, nhất là ở chương trình lớp 4 về cách dùng dấu hai chấm, đó chính là lý do tôi chọn đề tài **Biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy và học sử dụng dấu hai chấm cho HS lớp 4** để nghiên cứu.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ:

1. Cơ sở lý luận

Môn Tiếng Việt giúp học sinh phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi, qua đó góp phần rèn luyện các thao tác tư duy. Môn Tiếng Việt bồi dưỡng cho học sinh tình yêu tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam.

Nội dung môn Tiếng Việt được thể hiện cụ thể trong các phân môn: Tập đọc, Chính tả, Luyện từ và câu, Kể chuyện, Tập làm văn. Ngoài việc góp phần cụ thể hoá mục tiêu chung của môn Tiếng Việt, mỗi phân môn còn có nhiệm vụ riêng. Phân môn luyện từ và câu giúp học sinh mở rộng, hệ thống hoá vốn từ và trang bị cho học sinh một số hiểu biết sơ giản về từ và câu, rèn luyện cho học sinh các kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng dấu câu đặc biệt là dấu hai chấm.

Một nội dung kiến thức rất quan trọng trong phân môn luyện từ và câu là các dấu câu. Dùng dấu câu đúng, phù hợp với nội dung, một mặt giúp học sinh rèn kỹ năng sử dụng dấu câu khi nói, viết. Mặt khác, giúp người đọc theo dõi được nội dung bài văn, câu văn một cách dễ dàng, chính xác.

2. Cơ sở thực tiễn.

Qua thực tế giảng dạy và dự giờ thăm lớp, việc trao đổi thảo luận với các đồng nghiệp đối với nội dung phân dạy về dấu câu, tôi thấy các giáo viên thường

dạy đúng với sách giáo khoa, theo chuẩn kiến thức kĩ năng môn học, bài học, không giám sửa đổi dù thấy nó chưa phù hợp với trình độ học sinh lớp mình. Học sinh thường chỉ làm được những bài tập dạng tương tự với sách giáo khoa. Khi gặp bài tập dạng khác, hoặc ngữ liệu học sinh chưa quen, học sinh thường lúng túng và mắc sai lầm. Hiện nay trong một số bài viết, thậm chí là ngay cả trong các bài kiểm tra, các em không có ý thức sử dụng dấu câu hoặc sử dụng dấu câu chưa đúng khiến cho bài viết của các em trở nên khó hiểu. Nguyên nhân là do các em chưa nắm chắc tác dụng của dấu câu và cách sử dụng dấu câu.

Nhận thức được tầm quan trọng của đổi mới phương pháp dạy học, vị trí, vai trò của phân môn luyện từ và câu mà cụ thể là tầm quan trọng của dấu câu trong việc thể hiện nội dung cũng như tìm hiểu trong thực tế những lỗi về dấu câu cụ thể là dấu hai chấm mà học sinh thường mắc, tôi đã nghiên cứu đề tài: “ ***Biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy và học sử dụng dấu hai chấm*** ” nhằm tìm ra những giải pháp hữu hiệu để đạt được mục tiêu môn học và giúp học sinh sử dụng dấu hai chấm được tốt hơn.

III. THỰC TRẠNG CỦA VẤN ĐỀ :

1. Hạn chế về nội dung trong sách giáo khoa.

(Bài: **Dấu hai chấm** Sách giáo khoa Tiếng Việt 4 - tập 1, trang 22)

+ Chỉ đưa ra kết luận về tác dụng của dấu hai chấm, cách dùng dấu hai chấm khi viết, chưa đề cập đến kết luận về ngữ điệu đọc.

+ Trong ghi nhớ có nêu: “ Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của **một** nhân vật”. Lúc này, nó gây khó khăn cho học sinh khi nêu tác dụng dấu hai chấm trong các ví dụ

+ Trong nội dung ghi nhớ chưa nêu rõ tác dụng khác của dấu hai chấm .

+ Trong nội dung ghi nhớ chưa giới thiệu cho học sinh cách đặt dấu đúng, chưa giới thiệu rõ trong trường hợp nào ta viết hoa và trong trường hợp nào ta không viết hoa sau dấu hai chấm.

2. Khó khăn, hạn chế của giáo viên:

- Giáo viên tiểu học có rất ít kinh nghiệm và tài liệu hỗ trợ kiến thức về các dấu câu đặc biệt là dấu hai chấm.

- Giáo viên muốn cung cấp thêm kiến thức, hình thành kĩ năng cho học sinh hoặc sửa đổi, thêm một số từ vào trước lệnh của bài để học sinh hiểu rõ, để phù hợp với thực tế trong quá trình học. Tuy nhiên, giáo viên lại không dám bởi sợ lạm vào việc kiến thức quá tải đối với học sinh.

- Nội dung dạy cần có nhiều thời gian để thực hành, củng cố nhưng thực tế có rất ít thời gian để học sinh củng cố chứ chưa nói đến việc mở rộng kiến thức.

- Hơn nữa, nhiều kiến thức muốn cung cấp thêm cho các đối tượng học sinh khá, giỏi nhưng khó khăn về việc bố trí thời lượng dạy học.

- Vốn từ ngữ ít, nắm nghĩa từ của học sinh còn hạn chế. Hơn nữa, học sinh không mạnh dạn trong giao tiếp và đề xuất ý kiến nên rất khó khăn cho giáo viên trong việc dạy học sinh hiểu nội dung thông báo và vận dụng viết câu, đoạn văn.

3. Lỗi học sinh thường mắc trong quá trình nắm kiến thức và rèn kỹ năng sử dụng dấu hai chấm:

- Chưa hiểu và nắm chắc được tác dụng của dấu hai chấm.
- Chưa hiểu nội dung thông báo của ngữ liệu dẫn đến điền dấu sai.
- Nhầm lẫn khi dùng dấu hai chấm phối hợp với dấu ngoặc kép hoặc dấu ngoặc đơn (nhầm lẫn giữa lời nói trực tiếp của nhân vật trong hội thoại với lời trích dẫn từ bài nói, bài viết của người khác).
 - Đặt dấu câu không đúng vị trí.
 - Chỉ điền được dấu vào vị trí thích hợp mà không giải thích được nguyên nhân hoặc giải thích chưa rõ ràng.
 - Viết được bộ phận cần điền thêm nhưng không viết dấu câu.
 - Chỉ điền được dấu, phối hợp đúng với dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang song không viết đúng chính tả trong bộ phận đứng sau (viết hoa, hoặc không viết hoa)
- Khó khăn đối với học sinh ở mức độ có tiếp thu kiến thức mức độ vừa, khi trong một đoạn văn lại phải dùng nhiều lần dấu hai chấm với nhiều tác dụng khác nhau.

4. Khó khăn về đồ dùng dạy học.

- Hiện nay trong nhà trường đồ dùng dạy học còn thiếu nhiều đặc biệt là các loại máy móc hiện đại như: máy chiếu.
- Khi gặp dạng bài: *Viết đoạn văn ngắn có sử dụng dấu hai chấm* thì cần có các đồ dùng dạy học hiện đại như máy đa năng chiếu bài viết của học sinh để cả lớp cùng quan sát, nhận xét.
 - Tài liệu tham khảo về dạy dấu câu, đặc biệt là dấu hai chấm còn hạn chế.
 - Một số nội dung trong sách tham khảo chưa thống nhất với nhau

IV. CÁC GIẢI PHÁP, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN :

1. Nghiên cứu, nắm chắc yêu cầu, mục tiêu về dấu câu.

1.1. Cách dùng những dấu câu Tiếng Việt ở bậc Tiểu học

Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu chấm phẩy, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang, dấu chấm lửng, dấu hai chấm.

1.2. Nghiên cứu kỹ về dấu hai chấm.

* **Khi viết** (*lưu ý đến cả cách ghi dấu*) dùng dấu hai chấm để tách biệt và báo cho người đọc biết bộ phận đứng sau là:

- Lời đối thoại trực tiếp của (một hay nhiều) nhân vật (thường dùng cùng với dấu gạch đầu dòng).
- Lời trích dẫn từ bài nói hoặc bài viết của người khác ; hay ý nghĩ của nhân vật(thường dùng cùng với dấu ngoặc kép).
- Lời giải thích cho bộ phận đứng trước (Trường hợp báo hiệu lời thuyết minh không đưa ra đối với học sinh Tiểu học).
- Các sự vật, sự việc được liệt kê (thường dùng với dấu phẩy và thường không viết hoa sau dấu hai chấm).
- Các ý được liệt kê (thường dùng cùng với dấu gạch ngang và viết hoa).

- Bộ phận giải thích sau dấu hai chấm (thường dùng với dấu phẩy và nếu trình bày trong khổ thơ thì ta phải viết hoa ở đầu dòng thơ).

* **Khi đọc**, ta phải ngắt hơi ở dấu hai chấm khi dấu hai chấm ở vị trí ở giữa câu còn ta phải nghỉ hơi ở dấu hai chấm khi dấu hai chấm ở vị trí cuối câu.

1. 3. Giáo viên chuẩn bị các kiến thức, ngữ liệu có liên quan đến dấu hai chấm.

- Khi nói đến "lời nói của nhân vật", giáo viên cần chú ý đến lời nói trực tiếp của nhân vật trong hội thoại, lời được trích dẫn lại từ bài nói, bài viết của người khác qua các ngữ liệu đã được làm quen trong các tiết học trước và các ngữ liệu học sinh chưa được làm quen.

- Nghiên cứu kĩ về tác dụng và cách sử dụng của: dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu chấm, dấu phẩy.

- Định hướng cho học sinh kiến thức liên quan đến việc tích hợp vào các phân môn, các bài học sau.

- Lựa chọn đưa ra các ngữ liệu ở các thể loại khác nhau (đoạn văn, thơ, tự luận ...) của các tác giả trong và ngoài nước.

2. Biện pháp hướng dẫn học sinh nhận biết tác dụng của dấu hai chấm, biết cách sử dụng dấu qua tiết Luyện từ và câu (tiết 2- tuần 2).

2.1 Biện pháp hướng dẫn học sinh tìm hiểu về dấu hai chấm:

a. Phần nhận xét(SGK- trang 22).

- GV và HS cùng phân tích, khai thác kiến thức qua 3 ví dụ trong SGK.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu bài.(Nêu tác dụng của dấu hai chấm)

- GV cho 1-2 học sinh đọc ngữ liệu, cả lớp đọc thầm.

- Giáo viên cho học sinh thảo luận nhóm đôi tìm câu, đoạn văn(câu, đoạn thơ) có dùng dấu hai chấm trong 3 ví dụ trên.

- GV cho HS tiếp thu tốt nêu. Giáo viên chốt, giúp học sinh hiểu: *Cách viết này cũng đúng. Tuy nhiên, sau dấu hai chấm là lời dẫn trực tiếp của nhân vật có trong đối thoại vì vậy ta nên dùng phối hợp với dấu gạch đầu dòng.*

- Bên cạnh đó, giáo viên giúp đỡ nhóm học sinh còn lúng túng

- Học sinh tiếp tục thảo luận theo nhóm đôi để rút ra tác dụng và cách sử dụng của dấu hai chấm qua ví dụ c.(*Dấu hai chấm báo hiệu sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước*). Để làm được điều này, giáo viên phải cho học sinh thấy được đâu là bộ phận được giải thích và chúng giải thích cho bộ phận nào đứng trước từ đó càng khắc sâu vị trí của dấu hai chấm.

- Giáo viên giúp học sinh rút ra “ **ghi nhớ**”, chú ý giúp học sinh thấy được cả ví dụ a và b, dấu hai chấm dùng để báo hiệu sau nó là lời của nhân vật nhưng phân biệt rõ ở ví dụ a đâu là lời *trực tiếp của nhân vật*, ở ví dụ b đâu là *lời người khác được trích dẫn lại* để từ đó học sinh được củng cố trong khi viết dấu hai chấm phối hợp với dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch đầu dòng.

- Vài học sinh nêu “ Ghi nhớ”, khuyến khích học sinh tiếp thu nhanh đọc thuộc lòng

- Giáo viên mở rộng cho học sinh
 - + Khi đọc gặp dấu hai chấm ta cần chú ý gì? (Phải ngắt hơi).
- Giáo viên nhắc nhở học sinh vận dụng kiến thức để làm bài tập sau.

2.2. Biện pháp hướng dẫn học sinh luyện tập:

- 1 Học sinh khá đọc thành tiếng(giáo viên theo dõi và sửa cách ngắt nghỉ cho học sinh khi đọc câu có dấu hai chấm). Lớp đọc thầm, nêu yêu cầu bài.
- Hướng dẫn học sinh nêu nội dung đoạn văn, khổ thơ và hiểu nội dung văn bản đó
 - Học sinh thảo luận theo nhóm đôi, thực hiện yêu cầu của bài. Giáo viên giúp đỡ học sinh trung bình, yếu.
 - Đại diện vài cặp học sinh báo cáo kết quả. Khi học sinh đưa ra kết quả, giáo viên yêu cầu học sinh giải thích kết quả dựa vào nội dung và dấu hiệu về hình thức.

Sau khi nêu tác dụng của dấu hai chấm có trong các ví dụ, lúc này, giáo viên cho học sinh nhận xét về cách ghi dấu hai chấm và cũng thông qua các ví dụ phân tích ở trên, học sinh sẽ thấy được: Dấu hai chấm khi đứng ở cuối câu báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của nhân vật nên lúc này sau dấu hai chấm được viết hoa. Sau khi học sinh đưa ra câu trả lời, giáo viên giải thích thêm cho học sinh: Dấu hai chấm báo hiệu sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước thì sau dấu hai chấm ta thường không viết hoa, còn trường hợp sau dấu hai chấm được viết hoa là do các bộ phận giải thích được viết theo thể thơ nên đầu dòng thơ ta phải viết hoa.

Qua ví dụ, giáo viên không chỉ giúp học sinh được luyện tập củng cố về tác dụng của dấu hai chấm mà còn mở rộng cho học sinh cách ghi dấu hai chấm đúng và cách viết hoa sau dấu hai chấm.

3. Biện pháp củng cố, khắc sâu, mở rộng về tác dụng và cách dùng dấu hai chấm qua các dạng bài tập sau:

- 3.1. Học sinh tự tìm câu, đoạn văn(câu, đoạn thơ) có dùng dấu hai chấm và nêu tác dụng của dấu câu.
- 3.2. Giáo viên đưa ra đoạn văn, đoạn thơ có dùng dấu hai chấm yêu cầu học sinh nêu tác dụng của nó.
- 3.3. Giáo viên đưa ra một số đoạn văn, thơ để học sinh tự đặt dấu hai chấm.
- 3.4. Học sinh luyện viết câu, đoạn văn có sử dụng dấu hai chấm.

4. Hướng dẫn học sinh qua các dạng bài cụ thể:

*Dạng bài 1: Nêu tác dụng của dấu hai chấm.

* Dạng bài 2: Điền dấu hai chấm vào vị trí thích hợp.

*Dạng bài 3: Viết thêm một bộ phận vào trước lời đối thoại trực tiếp của nhân vật.

- Viết thêm một bộ phận thích hợp vào trước lời nói trực tiếp của nhân vật được trích dẫn ra dưới đây và viết lại cho đúng.
- Viết thêm bộ phận thích hợp và dấu hai chấm để tách biệt lời trích dẫn từ bài nói, bài viết của người khác.

- Viết thêm phần được giải thích để tạo thành câu hoàn chỉnh, sau đó ghi lại cho đúng.

Dạng bài 4: Viết thêm một bộ phận vào sau những lời dẫn dưới đây:

Dạng bài 5: Tự viết câu có dùng dấu hai chấm để báo hiệu sau nó là lời đối thoại của nhân vật, trích dẫn lời từ bài nói, bài viết của người khác hoặc để tách biệt lời giải thích với bộ phận đứng trước. (cho trước tác dụng của dấu hai chấm).

Dạng bài 6: Viết đoạn văn có dùng dấu hai chấm.

Dạng bài 7: Phát hiện và thay đổi dấu câu cho trước bằng dấu hai chấm.

Dạng bài 8 . Giáo viên đưa ra các dạng bài tập để gây nhầm lẫn cho học sinh qua đó mở rộng kiến thức cho học sinh giỏi.

- Nhầm lẫn việc sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu bộ phận sau nó là lời giải thích với sự liệt kê.

- Nhầm lẫn việc sử dụng dấu hai chấm để báo hiệu bộ phận sau nó là sự liệt kê(từ, cụm từ hay ý liệt kê)

Thiết kế bài dạy minh họa

Bài: dấu hai chấm - lớp 4

I. MỤC TIÊU

- Học sinh hiểu và nắm được tác dụng của dấu hai chấm trong câu: báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc là lời giải thích cho bộ phận đứng trước nó.
- Biết cách dùng dấu hai chấm khi viết văn. Mở rộng cho học sinh kỹ năng ghi dấu hai chấm và cách viết hoa bộ phận sau dấu hai chấm
- Giáo dục cho học sinh lòng say mê học Tiếng Việt

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC : Máy tính, máy chiếu, que chỉ,...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Kiểm tra bài cũ:

- GV gọi 2 học sinh lên bảng:
 - + Tìm từ trái nghĩa với từ " nhân hậu".
 - + Đặt câu với từ "nhân loại".
- Giáo viên cùng học sinh nhận xét, đánh giá

2. Dạy bài mới:

2.1. Giới thiệu bài

2.2. Nội dung:

a. Nhân xét.

- GV trình chiếu nội dung phần nhận xét SGK và gọi HS đọc.
- GV cho HS nêu yêu cầu của bài.

- GV cho HS thảo luận theo cặp trả lời các câu hỏi:

a) - Tìm và nêu câu văn có sử dụng dấu hai chấm.

- Dấu hai chấm được đặt ở vị trí nào trong câu?
- GV cho HS đọc bộ phận câu sau dấu hai chấm và cho biết đó là lời nói của ai? Nó được đặt trong dấu câu nào?

- Vậy, dấu hai chấm có tác dụng gì?

b) - GV hướng dẫn tương tự a)

- Qua ví dụ a) và b), em hãy cho biết dấu hai

- 1 HS , lớp theo dõi, đọc thầm.
- 1HS nêu (*Dấu hai chấm trong các câu sau có tác dụng gì ?*)
- HS đọc thầm, thảo luận.

- HS nêu, HS khác nhận xét.

- 1 HS trả lời, lớp nhận xét (cuối câu)

- HS đọc và trả lời nối tiếp đến khi có câu trả lời đúng: *Bộ phận đứng sau dấu hai chấm là lời nói của Bác Hồ. Nó được đặt trong dấu ngoặc kép.*

- 2 HS nêu. Lớp nhận xét, 1 HS khác nêu lại.

- HS nêu, HS nhận xét: *Bộ phận câu sau dấu hai chấm là lời nói của nhân vật "nó" (Dế Mèn). Nó được viết sau dấu gạch đầu dòng.*

- HS nêu. Lớp nhận xét: *Dấu hai*

chấm có tác dụng gì? Dấu hai chấm được phối hợp với dấu câu nào?

Mở rộng: - Vì sao dấu hai chấm ở ví dụ b) lại được dùng phối hợp với dấu gạch đầu dòng?

c) - GV cho HS đọc các bộ phận sau dấu hai chấm và cho biết các bộ phận đó dùng để làm gì?

- GV nhận xét và chốt.

- Qua ví dụ a), b), c), em hãy cho biết dấu hai chấm có tác dụng gì? Dấu hai chấm thường phối hợp với các dấu câu khác khi nào?

b. Ghi nhớ: SGK

- GV trình chiếu nội dung ghi nhớ, cho HS đọc, hiểu để vận dụng

- Lưu ý cho HS từ "**báo hiệu**" và làm rõ thêm cụm từ "**một nhân vật**" thông qua ví dụ: "Nhìn thấy ông về đến cổng, chúng tôi liền hô to:

- Chúng cháu chào ông ạ! "

c. Luyện tập

Bài 1: - GV trình chiếu nội dung bài 1.

- Gọi HS đọc yêu cầu và ví dụ

- Yêu cầu HS thảo luận về tác dụng của mỗi dấu hai chấm trong từng câu văn.

- Gọi HS chữa bài và nhận xét.

GV chốt:

a) - *Dấu hai chấm thứ nhất báo hiệu bộ phận câu đứng sau là lời nói của nhân vật "tôi". Nó được dùng phối hợp với dấu gạch đầu dòng.*

- *Dấu hai chấm thứ nhất báo hiệu bộ phận câu đứng sau là câu hỏi của cô giáo. Nó được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép.*

b) - *Dấu hai chấm báo hiệu bộ phận sau nó là lời giải thích cho bộ phận đứng trước, làm rõ những cảnh đẹp của đất nước hiện ra là những cảnh gì.*

Mở rộng: - Quan sát lại các ví dụ trong phần nhận xét và ví dụ ở bài 1, em có nhận xét gì về cách ghi dấu hai chấm.

- Theo em khi nào thì viết hoa trước bộ phận sau dấu hai chấm?

chấm báo hiệu bộ phận câu sau nó là lời nói của nhân vật.

- HS nêu.

- 1 HS nêu, HS khác nhận xét (*giải thích rõ những điều lạ mà bà già nhận thấy khi về nhà*)

- 2 HS nêu.

- HS khá, giỏi nêu (*Dấu hai chấm báo hiệu sau nó là lời nói trực tiếp của nhiều nhân vật*)

- 1HS khá đọc to trước lớp, lớp theo dõi.

- Thảo luận cặp đôi.

- Nói tiếp nhau trả lời cho đến khi có câu trả lời đúng.

- HS nêu, HS nhận xét, bổ sung.

GV phân tích và chốt cho HS cách ghi dấu hai chấm và khi nào cần viết hoa bộ phận sau dấu hai chấm:

- + Ta viết hoa ở bộ phận câu sau dấu hai chấm khi bộ phận ấy là lời nói của nhân vật.
- GV cũng phân tích và chỉ cho HS thấy được vì sao lại viết hoa ở bộ phận giải thích của ví dụ c)
- phần nhận xét (viết theo cấu tạo của dòng thơ).

Bài 2: - GV trình chiếu nội dung bài 2

- Gọi HS đọc yêu cầu. GV giải thích lại cho HS hiểu cách viết thiếu một số từ như: báo hiệu,...nên yêu cầu chưa rõ ràng.

- GV trình chiếu nội dung bài 2 đã được sửa đổi và cho học sinh đọc.

- GV cho HS nêu lại tác dụng và cách ghi dấu hai chấm.

- Yêu cầu học sinh viết đoạn văn

- Yêu cầu học sinh đọc đoạn văn của mình trước lớp, đọc rõ dấu hai chấm được dùng ở đâu? Nó có tác dụng gì?

- GV nhận xét, đánh giá HS viết tốt và giải thích đúng. Thông qua bài viết trên bảng nhóm, ngoài nhận xét về bố cục, nội dung, tác dụng của dấu hai chấm, GV cũng nhận xét về cách ghi dấu và cách viết hoa sau dấu hai chấm.

3. Củng cố - dặn dò.

- Nêu tác dụng của dấu hai chấm.
- Chuẩn bị từ điển cho tiết học sau.

- HS nêu.

- 1 HS đọc, lớp theo dõi.

- 1 HS đọc, lớp đọc thầm.

- HS nêu, HS nhận xét, bổ sung.

- Viết đoạn văn vào vở. 2 HS khá, giỏi viết vào bảng nhóm.

- Vài HS đọc bài văn của mình và giải thích về tác dụng của dấu hai chấm đã dùng.

V. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC :

Học sinh có được kỹ năng sử dụng dấu hai chấm khi viết, biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo khi viết, đặc biệt học sinh khá, giỏi rất có hứng thú với bài tập về dấu hai chấm. Bên cạnh đó cũng còn có một số học sinh nhầm lẫn về tác dụng của dấu hai chấm, ghi dấu hai chấm, kỹ năng viết đoạn văn chưa tốt, nội dung chưa hay, bố cục chưa rõ ràng nên điểm chưa cao. Đây là kết quả khảo sát sau thời gian dạy thực nghiệm. Tuy nhiên đây mới chỉ là những kết quả bước đầu trong việc các em vận dụng kiến thức qua các bài tập thực hành còn trong thực tế dạy, nếu giáo viên thường xuyên củng cố cho học sinh thông qua các dạng bài với nhiều hình thức dạy khác nhau thì càng về những giai đoạn sau kỹ năng của các em càng được củng cố. Bởi thực tế, tôi thấy rất bất ngờ trong các tiết tập đọc, học sinh vận dụng việc đọc đúng khi gặp dấu hai chấm rất tốt. Trong các tiết luyện từ và câu, với yêu cầu viết câu, đoạn văn có sử dụng kiểu câu Ai làm gì, Ai thế nào,... học sinh không chỉ viết đúng theo yêu cầu mà các em đã biết vận dụng kỹ năng sử dụng dấu hai chấm một cách linh hoạt. Không chỉ có vậy, trong khi viết bài văn kể chuyện thậm chí với các kiểu bài tả cây cối, tả đồ vật, tả con vật, các em cũng rất linh hoạt trong việc vận dụng dấu hai chấm. Như vậy, lúc này, kiến thức về dấu hai chấm của các em đã trở thành kỹ năng, giúp các em tự tin trong khi đọc và đặt biệt trong khi viết.

VI. ĐIỀU KIỆN ĐỂ SÁNG KIẾN ĐƯỢC NHÂN RỘNG:

Qua thời gian nghiên cứu, đồng thời áp dụng trong thực tế giảng dạy trên lớp, chúng tôi nhận thấy sáng kiến có thể áp dụng bước đầu trong khối lớp 4 và có thể nhân rộng ra ở các khối lớp khác đặc biệt là khối 5.

Qua cách dạy đã nêu trên đây, so với các lớp học theo chỉ dẫn của sách giáo khoa và sách giáo viên, tôi nhận thấy học sinh dễ hiểu bài hơn, dễ áp dụng hơn. Qua kết quả học tập của học sinh lớp 4, các đồng nghiệp trong khối cũng nhận thấy cách hướng dẫn trên là hay và có hiệu quả.

Nếu tính khả thi cao có thể áp dụng trong cụm chuyên môn bằng hình thức báo cáo chuyên đề, hội giảng ... để chúng tôi cùng với các anh chị đồng nghiệp ở các trường bạn rút kinh nghiệm, giúp đề tài ngày càng hoàn thiện hơn, tính khả thi ngày càng được nâng cao hơn.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu tôi đã mạnh dạn triển khai sáng kiến này cho các ban đồng nghiệp, được tập thể sư phạm nhà trường đồng tình cao và đưa vào áp dụng. Qua quá trình thực nghiệm, sáng kiến này có tính khả thi cao và mang lại hiệu quả thiết thực trong giảng dạy về cách sử dụng dấu hai chấm.

II. KHUYẾN NGHỊ:

1. Với giáo viên:

- Giáo viên ở một số khối lớp cần chú trọng đến dạy dấu câu cho học sinh. Đặc biệt đối với GV lớp 4 cần nghiên cứu kỹ nội dung chương trình dạy, tìm ra phương pháp và hình thức dạy học cho phù hợp, đáp ứng được mục tiêu đề ra.

- Nhận thức đúng vai trò, nhiệm vụ của bản thân trong việc truyền thụ và giúp học sinh tự tìm tòi, phát hiện kiến thức. Từ đó, mỗi giáo viên cần nâng cao trình độ chuyên môn, đào sâu lòng nhiệt huyết của mình, đôi khi còn gắn cả trách nhiệm của mình trong việc thực tế đi sâu đi sát đến từng học sinh, từng bài học.

- Cần chuẩn bị cho học sinh tâm thế tốt để các em tiếp thu kiến thức nhẹ nhàng mà đạt hiệu quả. Nhiều khi giáo viên còn phải định hướng cho học sinh để giúp các em có thói quen tự tìm tòi kiến thức và đạt đến độ tự hoàn thành.

2. Tổ chuyên môn:

- Trong quá trình đổi mới sinh hoạt tổ, bên cạnh việc tổ chức các chuyên đề mang tính kế hoạch thì cần thiết phải đưa ra những nội dung thảo luận. Xuất phát từ thực tế giảng dạy, giáo viên trong tổ phải đưa ra những vướng mắc khó khăn để đồng nghiệp cùng giải quyết. Từ đó, hoạt động chuyên môn càng đạt hiệu quả cao.

- Tạo điều kiện cho giáo viên trao đổi với nhau những kinh nghiệm quý trong giảng dạy.

3. Với nhà trường:

- Động viên kịp thời những giáo viên có sự sáng tạo trong dạy học mà đạt kết quả cao. Từ đó có biện pháp nhân rộng để mọi người cùng học tập.

- Bổ sung cơ sở vật chất

- Tổ chức, chỉ đạo Hội thảo, Hội giảng, các chuyên đề liên quan theo hình thức trường, liên trường để giáo viên có cơ hội tiếp xúc, trao đổi, bàn bạc về nội dung và phương pháp dạy học.

- Cần bố trí thời gian qua các tiết học, đặc biệt là sắp xếp các tiết bồi dưỡng theo khối với cùng đối tượng học sinh để giáo viên có kế hoạch dạy phù hợp.

Trên đây là kinh nghiệm của tôi về "***Biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy và học sử dụng dấu hai chấm***". Song kinh nghiệm này thời gian ứng dụng còn ngắn, trước mắt nó đã mang lại hiệu quả thiết thực, nhưng hiệu quả đó cần có sự kiểm chứng và đóng góp của nhiều GV dạy trên nhiều đối tượng HS khác nhau.

Rất mong được sự đóng góp của các cấp lãnh đạo và các đồng chí để kinh nghiệm của tôi thêm hoàn thiện và được ứng dụng rộng rãi trong dạy học.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

STT	Tài liệu tham khảo
1	Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 4
2	Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5
3	Sách giáo viên Tiếng Việt lớp 4.
4	Sách thiết kế Tiếng Việt lớp 4
5	Vở bài tập nâng cao Luyện từ và câu lớp 4
6	Vở bài tập nâng cao Luyện từ và câu lớp 5
7	100 bài tập luyện cách dùng dấu câu tiếng Việt

Mục lục	Trang
THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN	
TÓM TẮT SÁNG KIẾN	
MÔ TẢ SÁNG KIẾN	1
I. Hoàn cảnh nảy sinh	1
II. Cơ sở lí luận của vấn đề	1
1. Cơ sở lí luận	4
2. Cơ sở thực tiễn	4
III. Thực trạng của vấn đề	2
1. Hạn chế về nội dung SGK	2
2. Khó khăn, hạn chế của giáo viên	2
3. Lỗi học sinh thường mắc	3
4. Khó khăn về đồ dùng dạy học	3
IV. Các giải pháp, biện pháp thực hiện	3
1. Nghiên cứu, nắm chắc yêu cầu, mục tiêu của dấu câu	3
2. Biện pháp hướng dẫn học sinh nhận biết tác dụng của dấu hai chấm	4
3. Biện pháp củng cố, khắc sâu, mở rộng	5
4. Hướng dẫn học sinh qua các dạng bài cụ thể	5
V. Kết quả đạt được	10
VI. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng	10
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	11
I. Kết luận	11
II. Khuyến nghị	11
Danh mục tài liệu tham khảo- Mục lục	12